



SAU CƠN MƯA TRỜI LẠI SÁNG

Nền tảng vĩ mô tương đối ổn định, trong khi định giá thị trường thấp hơn đáng kể so với mức trung bình lịch sử, tạo dư địa cho chiến lược tích lũy với tầm nhìn dài hạn.

QUÉT QR
MỞ TÀI KHOẢN



NGÀY PHÁT HÀNH
06.10.2026

THÔNG DIỆP BÁO CÁO

- Tổng thể, **tháng 9 thị trường điều chỉnh tương đối mạnh** khi VN-Index đóng cửa tại **1,768.62 điểm**, tương ứng **giảm 3.47% MoM**; VNMidcap giảm sâu nhất (-6.50%), VN30 -3.84%, VNSmallcap -2.19%. Thanh khoản khớp lệnh giảm 6.41% về 13,295 tỷ đồng/phần, khối ngoại bán ròng 4,830 tỷ đồng, gấp gần 3 lần tháng 8. Định giá hấp dẫn với **P/E 12.05 lần**, thấp hơn khoảng 21% so với bình quân 10 năm (15.29 lần).
- Bước sang tháng 10, **GDP quý III tăng 9.95% YoY và mùa KQKD quý III** là bệ đỡ cho trạng thái mua kỳ vọng, nhưng lạm phát và lãi suất neo cao khiến dòng tiền vào thị trường có khuynh hướng chọn lọc khắt khe.

CÁC KỊCH BẢN DỰ BÁO · VN-INDEX



GỢI Ý CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG · MWG

NỘI DUNG CHÍNH

01. Nhìn lại thị trường tháng 09.2026

- Bối cảnh chung
- Diễn biến thị trường chứng khoán

02. Dự báo xu hướng thị trường tháng 10.2026

- Các yếu tố có thể tác động đến thị trường
- Dự báo kịch bản vận động của chỉ số VN-index

03. Nhận định cổ phiếu tâm điểm & gợi ý cơ hội đầu tư

- Nhận định kỹ thuật cổ phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất
- Gợi ý cơ hội đầu tư

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG THÁNG 09.2026

Tổng quan diễn biến thị trường và những điểm nhấn nổi bật

1.1. BỐI CẢNH CHUNG

Dự báo tăng trưởng

- Bất chấp cú sốc nguồn cung năng lượng từ xung đột Trung Đông, kinh tế toàn cầu đang chống chịu tốt hơn kỳ vọng. Trong báo cáo ngày 23/9/2026, OECD nâng dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2026 từ 2.8% lên 2.9%, nhưng hạ dự báo năm 2027 từ 3,1% xuống 3,0%. Mỹ được dự báo tăng trưởng 2.2%, khu vực đồng euro 1.0%, Nhật Bản 0.8% và Trung Quốc 4.5%. Động lực chính đến từ làn sóng đầu tư vào trí tuệ nhân tạo và việc đa dạng hóa nguồn cung năng lượng. Tuy vậy, lạm phát khối G20 dự kiến ở mức 4.1% năm 2026. OECD khuyến nghị các ngân hàng trung ương duy trì cảnh giác, đồng thời cảnh báo rủi ro từ lợi suất trái phiếu chính phủ tăng và sự phụ thuộc vào dòng vốn đầu tư AI.
- Đối với Việt Nam, các tổ chức tài chính quốc tế nâng dự báo tăng trưởng sau kết quả tích cực của nửa đầu năm. Standard Chartered duy trì dự báo GDP năm 2026 ở mức 9.5%. Động lực tăng trưởng đến từ cầu nội địa vững chắc, sản xuất công nghiệp mở rộng, xuất khẩu sôi động và dòng vốn FDI. Thực tế, GDP quý III.2026 tăng 9.95% YoY, mức cao nhất của quý III trong 4 năm trở lại đây và nổi dài xu hướng tăng tốc qua từng quý (quý I: 8.15%, quý II: 8.81%).

Chính sách tiền tệ

Các ngân hàng trung ương lớn đồng loạt chuyển sang thắt chặt chính sách tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát từ cú sốc năng lượng:

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên vùng 3.75%–4.00% tại kỳ họp ngày 15–16 tháng 09, đồng thời phát tín hiệu có thể tăng thêm một lần nữa trong năm 2026.

Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tăng lãi suất điều hành thêm 25 điểm cơ bản lên 2.50% tại kỳ họp ngày 10 tháng 09.

Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) tăng lãi suất từ 1% lên 1.25% tại kỳ họp ngày 17–18 tháng 09, mức cao nhất trong hơn 30 năm.

Đối với Việt Nam, xu hướng thắt chặt của các NHTW trên thế giới khiến mặt bằng lãi suất trong nước tiếp tục neo cao, đồng thời gia tăng áp lực lên tỷ giá khi chênh lệch lãi suất giữa VND và USD bị thu hẹp. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành linh hoạt, giữ ổn định lãi suất điều hành và chủ động cung ứng thanh khoản qua kênh thị trường mở cùng nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ, giúp thị trường tiền tệ ổn định.

Diễn biến các TTCK lớn trên thế giới

DOW JONES Mỹ 50,906.05 -4.29% MoM	VN-INDEX Việt Nam 1,768.62 -3.47% MoM
CAC 40 Pháp 7,964.51 -4.44% MoM	NIKKEI 225 Nhật Bản 67,094.00 +1.18% MoM
FTSE 100 Anh 10,606.00 -2.02% MoM	KOSPI Hàn Quốc 6,838.04 +0.26% MoM
DAX Đức 25,199.19 -4.03% MoM	Shanghai Trung Quốc 3,842.19 -3.62% MoM

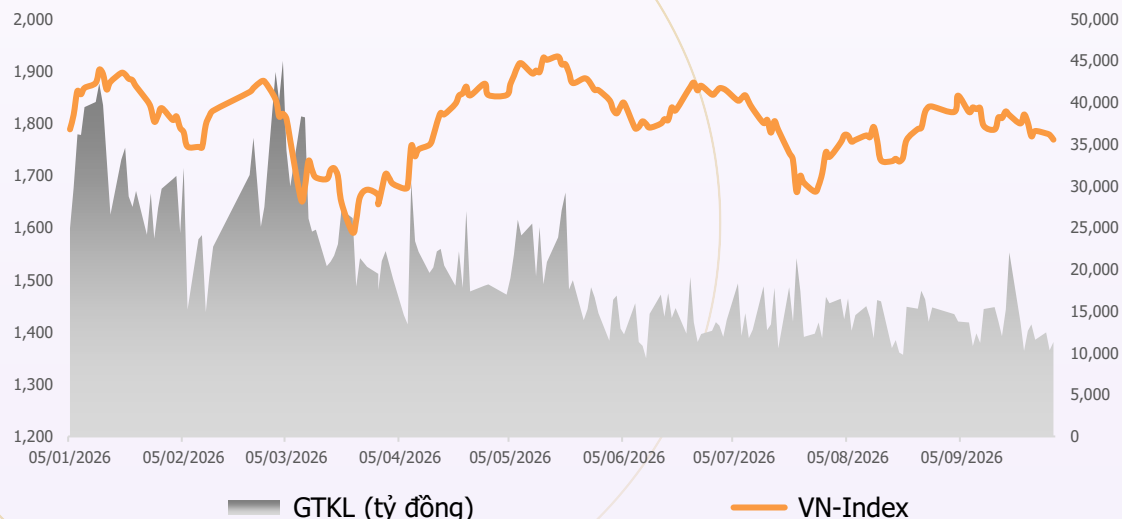
1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Sau nhịp hồi phục tích cực trong tháng 08, thị trường chứng khoán Việt Nam chịu áp lực điều chỉnh trở lại trong tháng 09. Kết thúc phiên 30/09/2026, VN-Index đóng cửa tại 1,768.62 điểm, giảm 63.50 điểm (-3.47% MoM). Mức độ điều chỉnh có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm vốn hóa: VNMidcap giảm sâu nhất (-6.50% MoM), tiếp theo là VN30 (-3.84% MoM), trong khi VNSmallcap thể hiện sức chống chịu tốt hơn với mức giảm 2.19% MoM. Sau nhịp điều chỉnh, VN-Index hiện giao dịch quanh mức P/E 12.05x, chiết khấu khoảng 21% so với bình quân 10 năm (15.29x). Đây là vùng định giá hấp dẫn xét trên góc độ dài hạn.

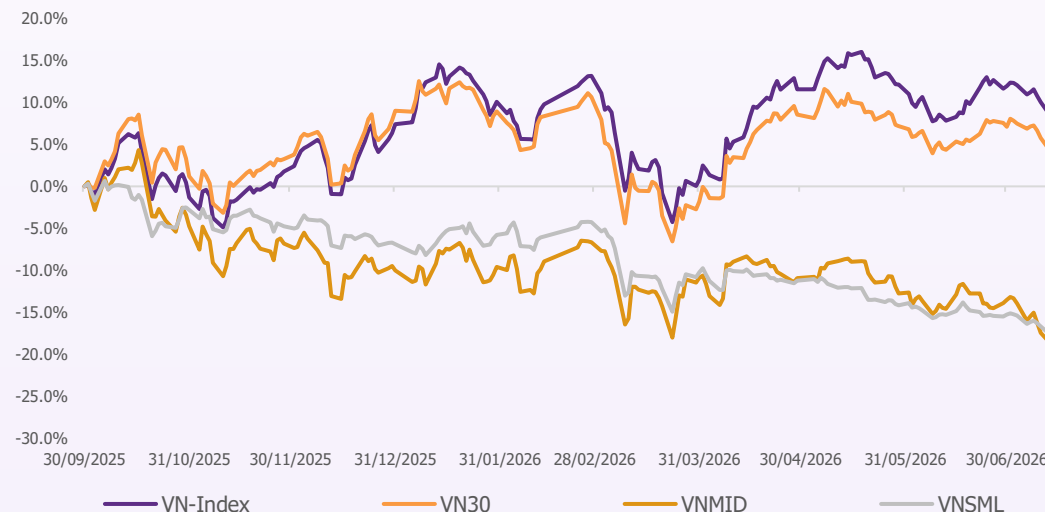
Thanh khoản tiếp tục suy yếu. Giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân tháng 09 đạt 13,295 tỷ đồng/phiên, giảm 6.41% so với tháng 08. Môi trường lãi suất neo cao cùng những bất ổn kéo dài tại Trung Đông khiến dòng tiền ngày càng thận trọng đối với TTCK.

Áp lực bán tập trung rõ nét nhất ở nhóm vốn hóa vừa, với 56/70 mã trong rổ VNMidcap giảm giá. Dòng tiền rút mạnh khỏi các nhóm ngành nhạy cảm với lãi suất và có mức độ sử dụng đòn bẩy cao, tiêu biểu là bất động sản (NVL -21.3%, CII -17.4%, DXG -16.1%) và chứng khoán (VND -16.8%, FTS -15.8%). Bên cạnh đó, KOS (-50.3%) và PNJ (-36.8%) chịu áp lực bán mang tính đặc thù doanh nghiệp. Nhóm năng lượng nổi lên như điểm sáng hiếm hoi nhờ hưởng lợi từ giá dầu, với BSR (+18.1%) là mã đóng góp tích cực nhất cho chỉ số (+5.5 điểm). Ngược lại, do chiếm tỷ trọng lớn trong chỉ số, VIC và VHM lấy đi tổng cộng 17.2 điểm, tương đương khoảng 27% mức giảm của VN-Index. Nhóm ngân hàng (VCB, LPB, CTG, MBB, ACB) lấy đi thêm hơn 14 điểm.

Diễn biến VN-index và GTGD khớp lệnh



Thay đổi các chỉ số chính %YoY



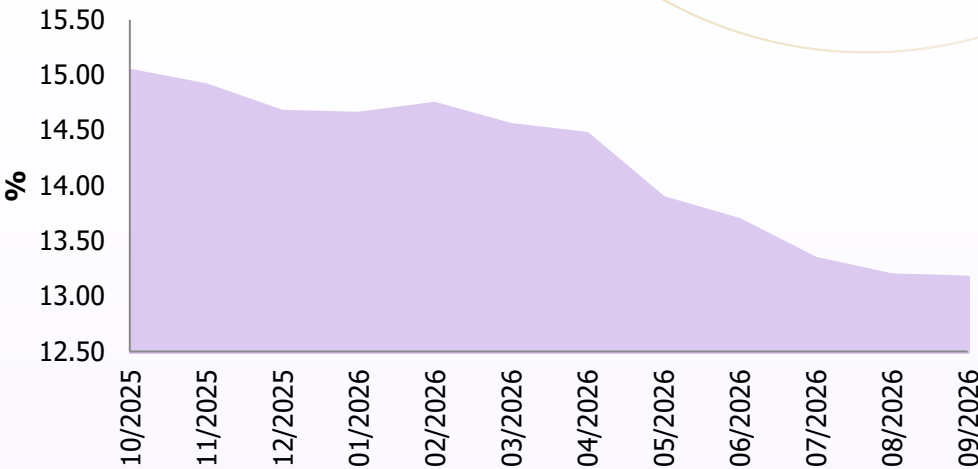
Nguồn: Fiiipro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

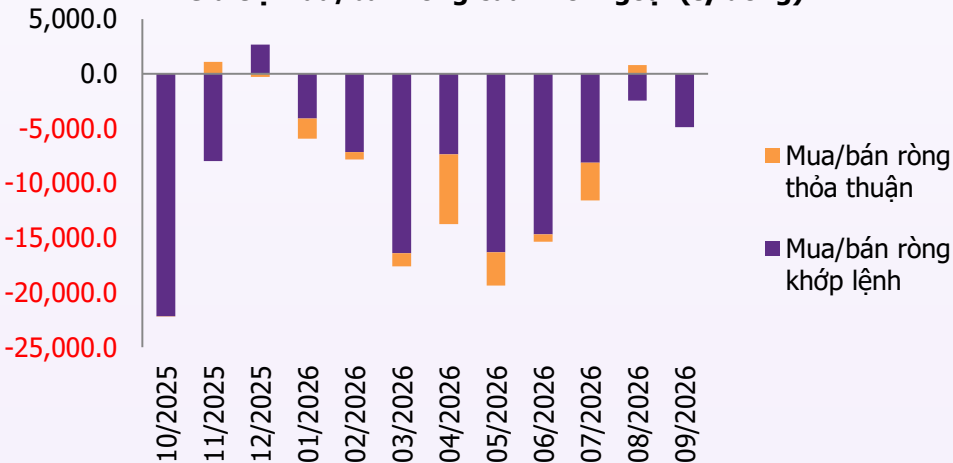
Trong tháng 09/2026, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên sàn HOSE với tổng giá trị 4,830 tỷ đồng, gấp gần 3 lần mức 1,644 tỷ đồng của tháng 08. Áp lực bán tập trung hoàn toàn ở kênh khớp lệnh (-4,893 tỷ đồng), trong khi kênh thỏa thuận mua ròng nhẹ 63 tỷ đồng. Đặt trong bối cảnh 12 tháng gần nhất, khối ngoại đã bán ròng 11/12 tháng với giá trị lũy kế khoảng 124.6 nghìn tỷ đồng, trong đó gần 90% thực hiện qua kênh khớp lệnh. Áp lực bán đặc biệt mạnh trong giai đoạn tháng 03–07/2026, trùng với cú sốc giá năng lượng từ xung đột Trung Đông, khi khối ngoại bán ròng bình quân khoảng 15.5 nghìn tỷ đồng mỗi tháng. Sang tháng 08–09, mức bán ròng bình quân thu hẹp còn khoảng 3.2 nghìn tỷ đồng mỗi tháng. Điều này cho thấy làn sóng rút vốn mạnh nhất có thể đã qua, dù xu hướng bán ròng chưa đảo chiều. Tỷ lệ sở hữu của khối ngoại trên HOSE giảm từ 15.03% (10/2025) xuống 13.16% (09/2026). Chúng tôi cho rằng áp lực bán ròng của khối ngoại khó sớm chấm dứt khi lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ vượt 5%, Fed tiếp tục thắt chặt và đồng USD duy trì sức mạnh, qua đó thu hẹp sức hấp dẫn của các thị trường mới nổi.

Top mua ròng	Giá trị (tỷ đồng)	Top bán ròng	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	+863.3	VHM	-2,408.5
BSR	+747.8	VIC	-1,248.0
MCH	+726.3	VPB	-1,132.8
SBT	+723.5	TCB	-452.0
SSB	+414.5	CTG	-439.7
DGW	+309.1	TCX	-414.7
VPL	+299.7	VCB	-407.7
HDB	+281.7	ACB	-392.7
DCM	+221.1	DXG	-330.9
GAS	+168.3	VIX	-330.5

Tỷ lệ sở hữu của khối ngoại trên HOSE (%)



Giá trị mua/bán ròng của khối ngoại (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 09 phản ánh trạng thái điều chỉnh của thị trường

Dòng tiền ưu tiên chọn các nhóm ngành theo chủ đề vĩ mô, các nhóm tăng điểm đều gắn với giá năng lượng leo thang và mặt bằng lãi suất cao.

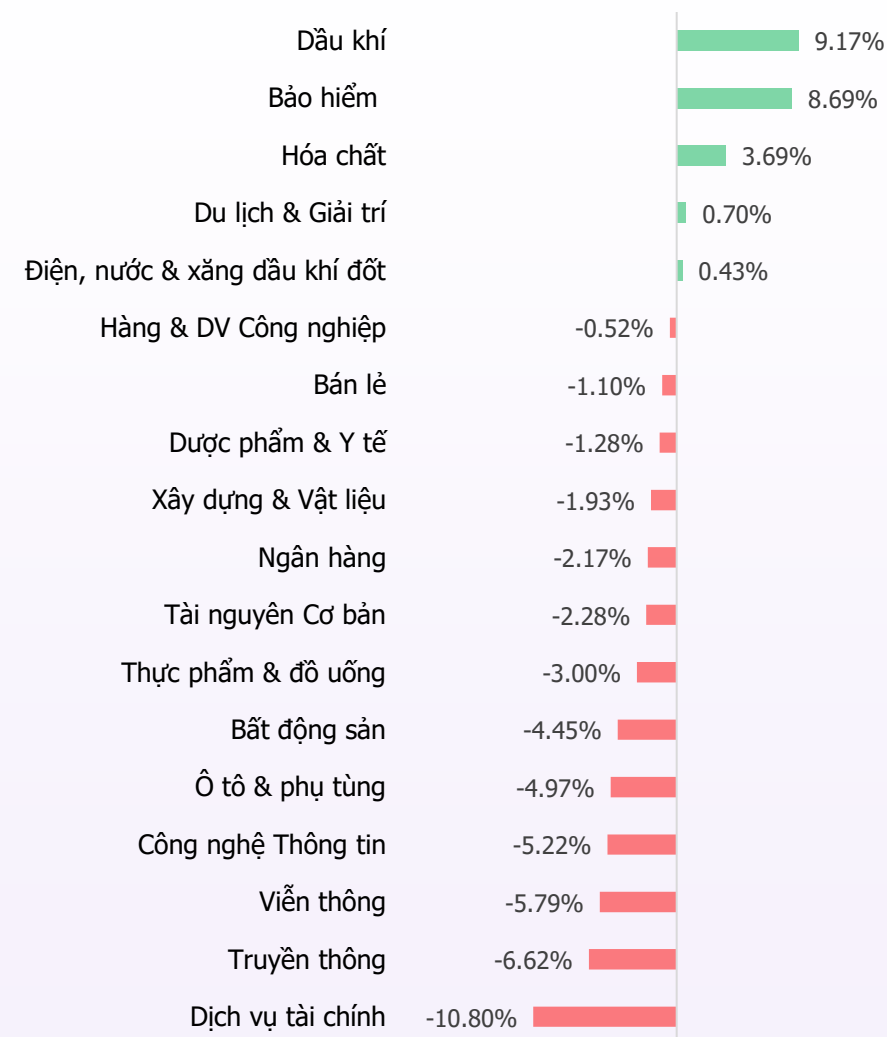
- Dầu khí (+9.17%) dẫn đầu thị trường nhờ hưởng lợi từ cú sốc giá dầu, nổi bật là BSR và PVT cùng tăng gần 18%. Bảo hiểm (+8.69%) được hỗ trợ bởi kỳ vọng cải thiện lợi nhuận trong môi trường lãi suất cao, trong khi Hóa chất (+3.69%) hưởng lợi từ kỳ vọng giá phân bón tăng theo giá khí đầu vào.
- Ở chiều ngược lại, Dịch vụ tài chính (-10.80%) giảm sâu nhất do chịu tác động kép từ thanh khoản suy giảm và chi phí vốn tăng, Bất động sản (-4.45%) và Công nghệ thông tin (-5.22%) tiếp tục suy yếu.

Về thanh khoản, giá trị giao dịch giảm ở hầu hết các ngành, cho thấy áp lực điều chỉnh đến từ lực cầu suy yếu và tâm lý thận trọng hơn là bán tháo hoảng loạn. Dầu khí, Hóa chất và Bảo hiểm là những nhóm tăng đồng thời cả giá và thanh khoản. Trong khi đó, Ngân hàng và Bất động sản, hai nhóm chiếm hơn một nửa giá trị giao dịch toàn thị trường, đều suy giảm thanh khoản.

Về mặt định giá, chúng tôi nhận thấy các nhiều nhóm ngành đang sở hữu mức định giá thấp hơn trung bình 5 năm trên cả hai chỉ tiêu P/E và P/B. Trong số này, chúng tôi đánh giá ba nhóm cơ hội nổi bật.

- Thứ nhất, nhóm tiêu dùng nội địa gồm Bán lẻ và Thực phẩm & đồ uống đang giao dịch ở mức P/E thấp hơn trung bình 5 năm lần lượt khoảng 58% và 25%, trong khi triển vọng lợi nhuận được hỗ trợ bởi sức cầu tiêu dùng trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, nhà đầu tư cần lưu ý rủi ro lạm phát gia tăng có thể ảnh hưởng đến sức mua.
- Thứ hai, Hóa chất vừa có mức chiết khấu khoảng 13–24% so với trung bình 5 năm, vừa thu hút dòng tiền nhờ hưởng lợi từ giá năng lượng tăng cao.
- Thứ ba, Công nghệ thông tin (chiết khấu khoảng 35–40% sau nhíp giảm 22.45% YoY) và Ngân hàng (P/E 8.52x và P/B 1.40x, thấp hơn khoảng 14–16% so với trung bình) là các lựa chọn phù hợp cho chiến lược tích lũy dài hạn.

Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 08.2026



Nguồn: Fiiipro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 9:

Ngành	% MoM	%YoY	P/E 30/09/2026	P/E TB 5 năm	P/B 30/09/2026	P/B TB 5 năm	GTGD (tỷ đồng)	GTGD %MoM
Ngân hàng	-2.17%	-0.02%	8.52	9.89	1.40	1.66	102,688	-9.57%
Bất động sản	-4.45%	75.84%	19.10	20.04	3.29	2.21	62,056	-14.98%
Dịch vụ tài chính	-10.80%	-23.80%	11.85	17.66	1.45	1.73	37,454	-26.86%
Hàng & DV Công nghiệp	-0.52%	3.41%	11.80	16.15	2.05	2.40	20,553	-16.78%
Thực phẩm & đồ uống	-3.00%	12.09%	14.19	18.84	2.56	2.85	19,357	-20.48%
Dầu khí	9.17%	64.16%	9.30	15.74	1.77	1.47	15,105	9.20%
Bán lẻ	-1.10%	7.80%	12.69	30.28	3.00	3.28	12,990	-2.23%
Tài nguyên Cơ bản	-2.28%	6.77%	9.88	N/M	1.36	1.48	11,277	-14.20%
Công nghệ Thông tin	-5.22%	-22.45%	12.04	20.17	2.43	3.73	11,059	-14.97%
Hóa chất	3.69%	12.43%	11.60	15.20	1.56	1.79	8,389	25.51%
Xây dựng & Vật liệu	-1.93%	-1.85%	11.06	19.18	1.22	1.44	7,778	-25.98%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.43%	27.26%	10.58	15.49	1.67	1.88	6,380	-27.14%
Du lịch & Giải trí	0.70%	1.89%	29.33	105.20	3.49	5.62	5,534	-29.98%
Dược phẩm & Y tế	-1.28%	-1.67%	13.73	15.52	1.43	1.61	1,783	25.03%
Bảo hiểm	8.69%	25.47%	13.30	15.06	1.63	1.56	1,390	30.36%
Ô tô & phụ tùng	-4.97%	-11.65%	13.32	22.71	1.04	1.47	564	-39.17%
Truyền thông	-6.62%	20.41%	22.40	N/M	2.34	2.09	300	169.41%

02

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THÁNG 10.2026

Các yếu tố có thể tác động đến thị trường và dự báo kịch bản vận động của chỉ số VN-index

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG 10

Ba trụ cột định hình tháng 10: tăng trưởng và lợi nhuận tạo bệ đỡ; lạm phát, lãi suất và tỷ giá định hướng dòng tiền.



TĂNG TRƯỞNG & KQKD

Bệ đỡ tích cực • Kỳ vọng quý III

GDP tăng tốc và lợi nhuận cải thiện mở dư địa tái định giá.



TỶ GIÁ

Ổn định • VND chống chịu tốt

Giảm áp lực lạm phát nhập khẩu và hỗ trợ tâm lý thị trường.

BỨC TRANH THÁNG 10

ĐỘNG LỰC & RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tăng trưởng tạo bệ đỡ
vĩ mô quyết định dòng tiền

GDP • KQKD • LẠM PHÁT • LÃI SUẤT • TỶ GIÁ

PHÂN HÓA THEO NỀN TẢNG CƠ BẢN



LẠM PHÁT & LÃI SUẤT

Neo cao • Dòng vốn chọn lọc

Giá dầu và chi phí vốn cao giới hạn độ rộng của dòng tiền.

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Nền tảng vĩ mô trong nước duy trì tăng trưởng tích cực

Nền tảng tăng trưởng của Việt Nam tiếp tục được củng cố khi GDP quý III/2026 tăng 9.95% YoY, mức cao nhất của quý III trong 4 năm trở lại đây và nổi dài xu hướng tăng tốc qua từng quý (quý I: 8.15%, quý II: 8.81%). Lũy kế 9 tháng, GDP tăng 9.01%, cao nhất trong 15 năm. Động lực chính đến từ khu vực công nghiệp – xây dựng, với mức tăng 12.5% trong quý III và đóng góp 51.57% vào tăng trưởng chung; trong đó công nghiệp chế biến chế tạo tăng 12.9% và chỉ số IIP tăng 14.8%. Khu vực dịch vụ tăng 9.54%, đóng góp 43.29%, còn nông lâm thủy sản tăng 4.21%.

Đầu tư đang là đầu kéo chính của tăng trưởng. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III tăng 16.7% YoY, đưa mức tăng 9 tháng lên 15.1%, so với 12.83% của nửa đầu năm. Vốn FDI thực hiện 9 tháng đạt 21.07 tỷ USD, tăng 12.1% và là mức cao nhất của cùng kỳ trong 5 năm. Vốn FDI đăng ký đạt 50.36 tỷ USD, tăng 76.4%, tạo nguồn giải ngân cho các quý tới.

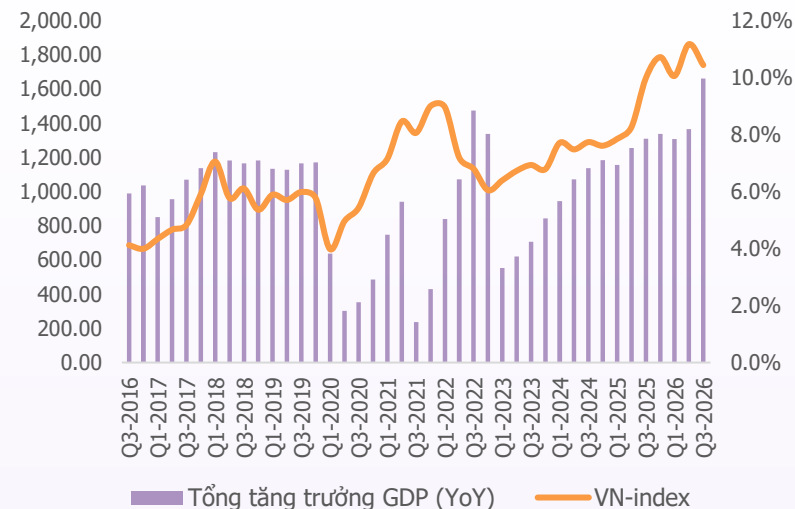
Sức cầu nội địa duy trì xu hướng cải thiện. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý III tăng 14.5% YoY, lũy kế 9 tháng tăng 13.4%. Tiêu dùng cuối cùng quý III tăng 8.96%, cao hơn mức 8.51% của 9 tháng. Tuy nhiên, sau khi loại trừ yếu tố giá, bán lẻ 9 tháng tăng 7.8%, cho thấy lạm phát đang bào mòn một phần sức mua thực (CPI bình quân 9 tháng tăng 4.52%, riêng tháng 9 tăng 5.08% YoY).

Chi ngân sách nhà nước 9 tháng ước đạt 1,873.7 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư công thực hiện đạt 661.8 nghìn tỷ đồng, tăng 19% YoY và bằng 59.9% kế hoạch năm. Như vậy, còn khoảng 443 nghìn tỷ đồng, tương đương 40% kế hoạch, cần giải ngân trong ba tháng cuối năm. Đây là dư địa đáng kể để khu vực công tạo thêm xung lực cho tăng trưởng.

Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng nhập siêu 19.42 tỷ USD, khi nhập khẩu tăng 36.7% trong khi xuất khẩu tăng 24.5%. Dù vậy, áp lực đã dịu bớt khi tháng 9 xuất siêu trở lại 1.27 tỷ USD, và khu vực FDI vẫn xuất siêu 14.86 tỷ USD. Nhập khẩu tăng mạnh đi cùng với sự mở rộng của đầu tư và sản xuất công nghiệp, chúng tôi đánh giá tác động tiêu cực của yếu tố này lên tăng trưởng là tương đối hạn chế.

Nhìn chung, chúng tôi duy trì đánh giá tích cực đối với triển vọng tăng trưởng GDP trong quý IV/2026. Đà tăng tốc đến từ sản xuất công nghiệp, đầu tư và tiêu dùng, trong khi dư địa giải ngân đầu tư công còn lớn. Với kết quả 9 tháng, chúng tôi ước tính quý IV cần tăng trên 12% để cả năm đạt mục tiêu 10%. Nền tảng vĩ mô này là bệ đỡ cho kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp niềm yết trong nửa cuối năm, qua đó nâng đỡ thị trường chứng khoán trong bối cảnh định giá đang ở vùng thấp.

**Tương quan tăng trưởng GDP và VN-index
2026 - 2026**



Nguồn: Fiiinpro

Trong các chu kỳ trước, VN-Index thường có diễn biến tích cực hơn trong những giai đoạn tăng trưởng GDP ổn định và kỳ vọng vĩ mô được cải thiện, như giai đoạn 2016–2019 và nhịp phục hồi 2023–2025. Do đó, nền tảng tăng trưởng tích cực trong nửa cuối năm 2026 được kỳ vọng sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ quan trọng đối với triển vọng của thị trường chứng khoán, dù mức độ chuyển hóa thành xu hướng tăng của VN-Index còn phụ thuộc vào mặt bằng lãi suất, dòng tiền và tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp.

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

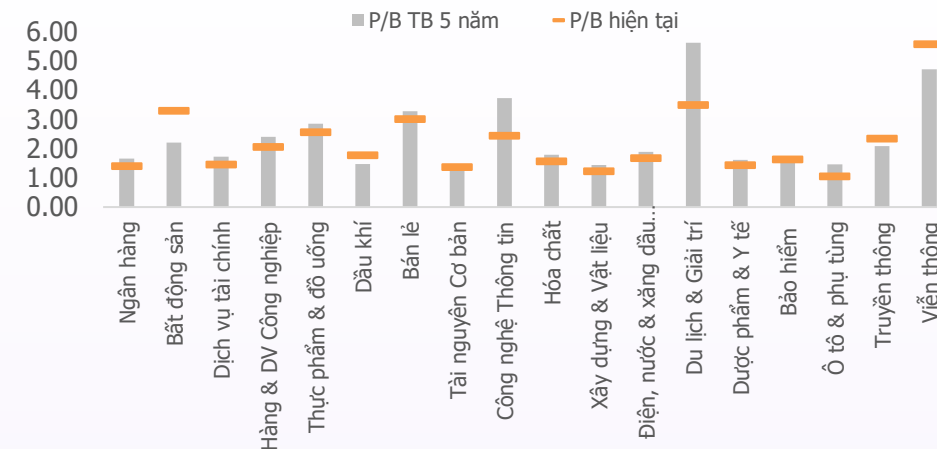
Đón đầu kết quả kinh doanh quý III

Tháng 10 có thể là giai đoạn thị trường chuyển sang trạng thái mua kỳ vọng, khi nhà đầu tư bắt đầu đón đầu mùa công bố kết quả kinh doanh quý III/2026. Tâm lý này được hỗ trợ bởi nền tảng tăng trưởng GDP tích cực trong quý III. VN-Index hiện giao dịch quanh mức P/E 12.05x, thấp hơn khoảng 21% so với bình quân 10 năm, qua đó tạo dư địa cho quá trình tái định giá và hình thành vùng đệm an toàn, hỗ trợ dòng tiền quay trở lại các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tích cực.

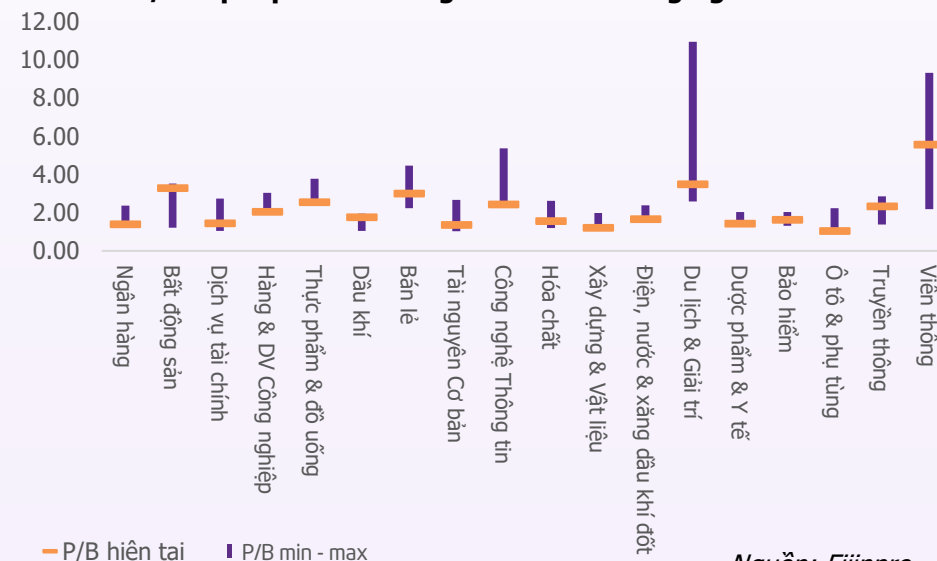
Tăng trưởng LNST toàn thị trường trong 1H.2026 đạt 49.2% YoY, cho thấy xu hướng cải thiện lợi nhuận vẫn được duy trì và có độ lan tỏa tương đối rộng giữa các nhóm ngành, trừ Ô tô & Phụ tùng (-83%) và Du lịch & Giải trí (-5%), trong khi phần lớn các ngành còn lại ghi nhận tăng trưởng dương. Đáng chú ý, nhiều nhóm ngành có tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong 1H.2026 nhưng P/B hiện vẫn thấp hơn mức bình quân 5 năm, bao gồm:

Ngành	Tăng trưởng lãi thuần 1H.2026 (YoY)	P/B hiện tại	P/B TB 5 năm	P/B min - max 5 năm
Ngân hàng	+33.1%	1.40	1.66	1.40 – 2.37
Dịch vụ tài chính	+34.5%	1.45	1.73	1.45 – 2.74
Hàng & Dịch vụ công nghiệp	+42.4%	2.05	2.40	1.91 – 3.04
Thực phẩm & đồ uống	+24.4%	2.56	2.85	2.47 – 3.77
Tài nguyên cơ bản	+106.8%	1.36	1.48	1.03 – 2.67
Công nghệ thông tin	+14.9%	2.43	3.73	2.43 – 5.37
Hóa chất	+60.4%	1.56	1.79	1.19 – 2.62
Xây dựng & Vật liệu	+11.8%	1.22	1.44	1.16 – 1.98
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+46.4%	1.67	1.88	1.64 – 2.38
Dược phẩm & Y tế	+15.0%	1.43	1.61	1.38 – 2.03
Bán lẻ	+84.7%	3.00	3.28	2.24 – 4.46

P/B của các nhóm ngành tại 30/09/2026



So sánh P/B hiện tại với 5 năm gần nhất của từng ngành



2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

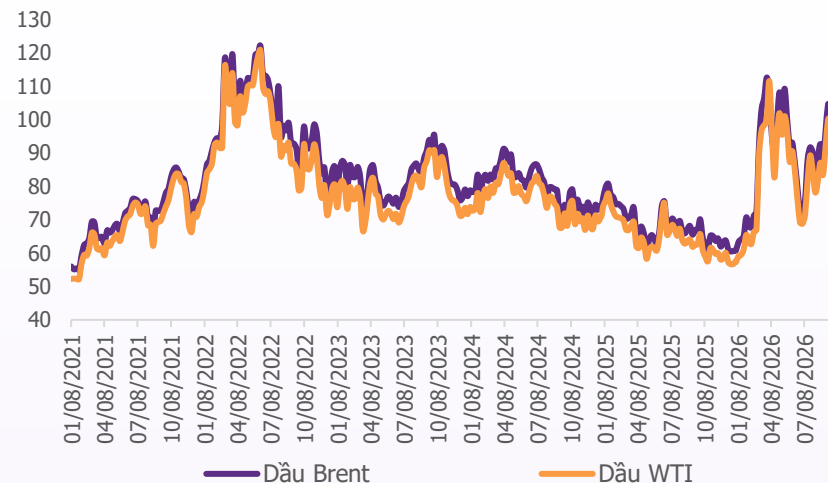
Lạm phát khó hạ nhiệt trong ngắn hạn

Lạm phát đang nổi lên như một trong những rủi ro vĩ mô đáng chú ý nhất trong năm 2026, trong bối cảnh giá năng lượng tăng mạnh trở lại. Dầu Brent đã vượt 100 USD/thùng và WTI vượt 90 USD/thùng, lần lượt tăng 46% và 38% so với đầu tháng 07/2026, làm gia tăng áp lực chi phí đầu vào và rủi ro lạm phát nhập khẩu. Tại Việt Nam, CPI tháng 09 tăng 5.08% YoY, đưa mức tăng CPI bình quân 9 tháng lên 4.52%, vượt ngưỡng mục tiêu 4.5% của Chính phủ. Diễn biến này thu hẹp dư địa điều hành chính sách tiền tệ, đồng thời làm gia tăng thách thức trong việc cân bằng giữa mục tiêu kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Điểm đáng lưu ý là cú sốc năng lượng tháng 09/2026 mang tính cấu trúc và nghiêm trọng hơn đáng kể so với đợt biến động hồi tháng 3, khi bốn yếu tố cộng hưởng cùng lúc và làm suy yếu các cơ chế tự cân bằng của thị trường.

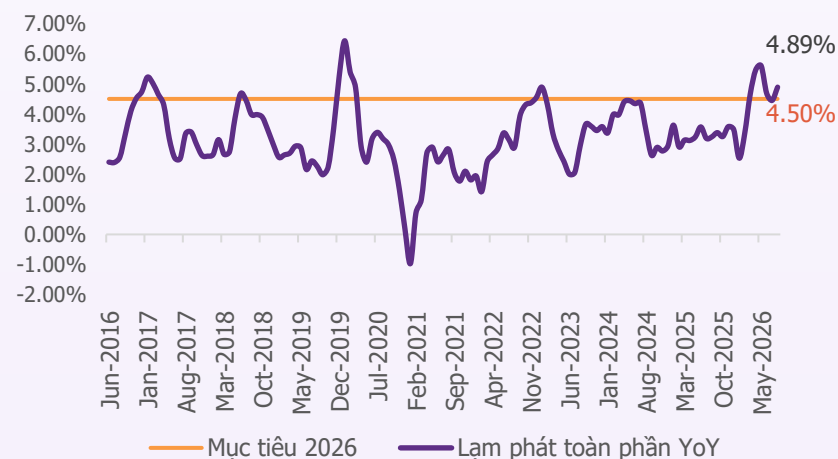
- Về phía cầu, áp lực mùa vụ đang hình thành khi Bắc Mỹ, châu Âu và Đông Á bước vào mùa đông: nhu cầu dầu mỏ được dự báo tăng thêm 1.6–2.1 triệu thùng/ngày trong quý 4, tập trung ở nhóm nhiên liệu sưởi ấm, đặc biệt là dầu diesel, trong bối cảnh tồn kho thương mại khối OECD thấp hơn 8% so với trung bình 5 năm (theo CSIS) và châu Âu gần như không còn nguồn cung thay thế do tuyến hàng hải qua Biển Đỏ bị hạn chế. Cùng lúc, Trung Quốc quay lại thị trường sau giai đoạn tiêu thụ tồn kho, với lượng dầu thô nhập khẩu phục hồi từ mức đáy khoảng 29 triệu tấn cuối tháng 6 lên gần 40 triệu tấn vào cuối tháng 8.
- Về phía cung, công cụ bình ổn quan trọng nhất của thị trường đang dần suy yếu_kho dự trữ chiến lược (SPR) của Mỹ chỉ còn khoảng 285 triệu thùng, thấp hơn ngưỡng kỹ thuật an toàn 300 triệu thùng, công suất xả kho giảm từ 4.4 triệu xuống 2.7 triệu thùng/ngày và thời gian triển khai kéo dài tới 25 ngày. Trong khi đó, hạ tầng vận chuyển tiếp tục bị thắt nút khi tuyến đường ống Petrolina vòng tránh Vịnh Ba Tư hư hỏng, khiến lưu lượng giảm hơn 70%; rủi ro tại Bab el-Mandeb và Suez buộc tàu chở dầu chuyển hướng qua Mũi Hảo Vọng, kéo dài hành trình thêm khoảng 14 ngày và đẩy cước VLCC lên gần 1 triệu USD/ngày.

Với việc dư địa can thiệp từ phía cung gần như cạn kiệt đúng thời điểm nhu cầu bước vào cao điểm, chúng tôi cho rằng mặt bằng giá dầu nhiều khả năng tiếp tục neo ở vùng cao trong quý 4. Do đó, lạm phát trong những tháng tới nhiều khả năng duy trì ở mức cao, và mục tiêu kiểm soát CPI của Chính phủ sẽ đối mặt với thách thức đáng kể cho đến khi căng thẳng nguồn cung năng lượng được giải tỏa.

Diễn biến giá dầu 2021 - 2026. USD/Thùng



Lạm phát tại Việt Nam (%CPI, YoY)



2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Môi trường lãi suất cao, dòng vốn vào TTCK sẽ mang tính chọn lọc

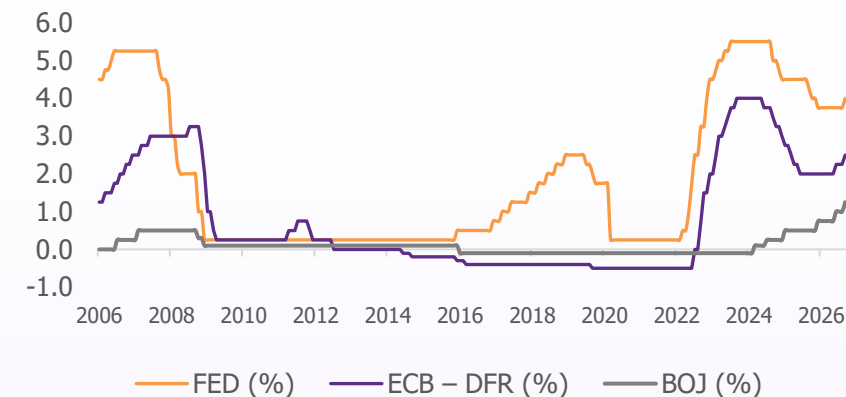
Lạm phát dai dẳng đòi hỏi một môi trường lãi suất cao hơn và kéo dài hơn. Dù nền tảng tăng trưởng của Việt Nam vẫn tương đối tích cực, mặt bằng lãi suất cao sẽ khiến dòng vốn vào thị trường chứng khoán bị hạn chế và mang tính chọn lọc cao.

Các ngân hàng trung ương lớn đồng loạt thắt chặt. Fed, ECB và BOJ cùng tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 09/2026. Fed nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản lên 3.75%–4.00%; dự báo trung vị lãi suất năm 2026 trên biểu đồ dot plot tăng lên 4.125% từ mức 3.75% hồi tháng 6, và 16/18 quan chức kỳ vọng ít nhất một lần tăng nữa trong năm nay.

Lợi suất trái phiếu tăng vọt. Làn sóng bán tháo trái phiếu chính phủ đẩy lợi suất kỳ hạn dài của Mỹ và Nhật Bản lên mức cao nhất trong khoảng hai thập kỷ. Ngày 29/09/2026, lợi suất trái phiếu Mỹ 10 năm đạt 5.26%, tăng khoảng 58 điểm cơ bản so với bình quân tháng 8, lần đầu vượt ngưỡng 5% và vượt đỉnh năm 2007; lợi suất Nhật Bản 10 năm vượt 3% (3.09%). Cú sốc giá dầu đẩy kỳ vọng lạm phát tăng trở lại, khiến nhà đầu tư đòi hỏi phần bù rủi ro kỳ hạn cao hơn. Hệ quả là chi phí vốn toàn cầu tăng, USD mạnh lên và dòng vốn có xu hướng rời các thị trường mới nổi. Với Việt Nam, diễn biến này gây áp lực lên thị trường chứng khoán đáng kể.

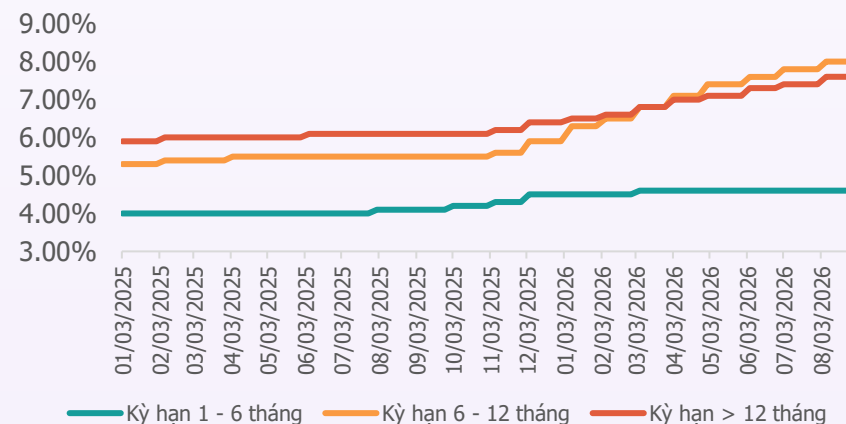
Trong nước, lãi suất trung hạn vẫn ở mức cao. Hiện tại, lãi suất huy động VNĐ bình quân kỳ hạn 6–12 tháng đạt 8.0% (tăng 1.70 đpt so với đầu năm), kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đạt 7.60% (tăng 1.10 đpt). Trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất bình quân trong tháng 09 hạ nhiệt so với tháng 08 với mức giảm dao động trong khoảng từ 0.50 đến 0.90 đpt, riêng kỳ hạn 6 tháng tăng nhẹ 0.04 đpt. Điều này cho thấy thanh khoản có phần bớt căng thẳng, song áp lực chủ yếu đến từ mất cân đối cung – cầu vốn mang tính cấu trúc. Đến cuối tháng 6/2026, dư nợ tín dụng đạt khoảng 20.15 triệu tỷ đồng (+8.37% so với đầu năm), trong khi tiền gửi chỉ tăng 5.60% lên 17.44 triệu tỷ đồng, đưa chênh lệch lên khoảng 2.71 triệu tỷ đồng và buộc các ngân hàng tiếp tục cạnh tranh lãi suất huy động. Trước áp lực này, ngày 30/09/2026, NHNN đã ban hành Thông tư 50/2026/TT-NHNN, nâng trần tỷ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) từ 85% lên 95%, có hiệu lực từ ngày 01/12/2026. Động thái này mở thêm dư địa tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng đang sát trần và giảm bớt áp lực chạy đua huy động vốn, qua đó hỗ trợ ổn định mặt bằng lãi suất. Tuy nhiên, do có hiệu lực từ tháng 12, tác động trong năm 2026 chủ yếu mang tính tâm lý, và chính sách này giúp kiềm đà tăng của lãi suất hơn là kéo giảm mặt bằng lãi suất hiện tại.

Lãi suất điều hành FED, ECB, BOJ (2006–2026)



Nguồn: Wifeed, Tổng hợp

lãi suất huy động VNĐ (%/năm)



Nguồn: Fiiipro

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

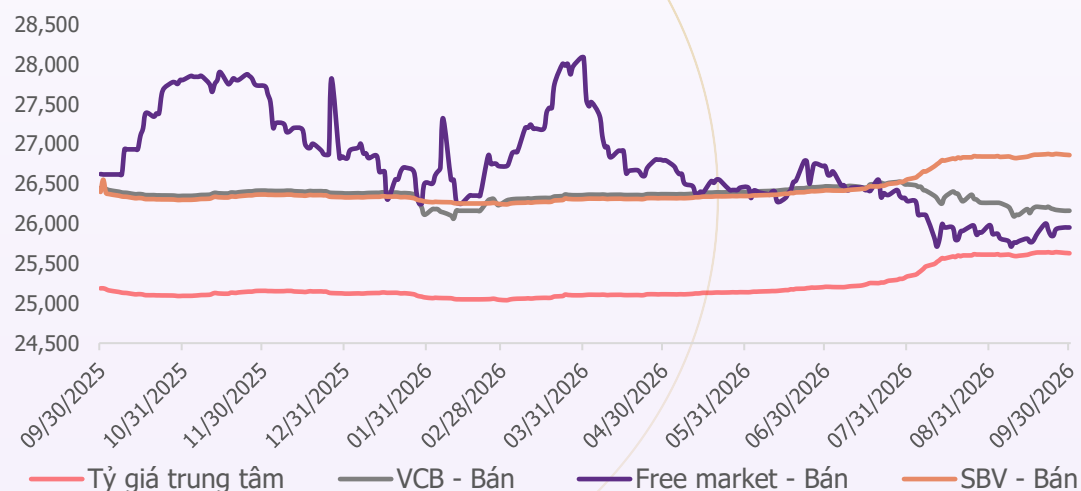
Tỷ giá

Tỷ giá ổn định, cho thấy sức chống chịu tương đối tốt của VND

Trong tháng 09/2026, tỷ giá USD/VND tại các ngân hàng thương mại (NHTM) nhìn chung ổn định và giảm nhẹ từ 26.260 xuống 26.160 đồng/USD, tương đương giảm 0,38% so với đầu tháng. Ngược lại, tỷ giá trên thị trường tự do tăng nhẹ từ 25.870 lên 25.950 đồng/USD. Đáng chú ý, diễn biến ổn định của VND diễn ra trong bối cảnh Fed tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong tháng 9, trong khi DXY tăng từ vùng 99 lên trên 101 điểm. Việc tỷ giá trong nước không tăng tương ứng với đà mạnh lên của USD cho thấy VND đang có khả năng chống chịu tương đối tốt trước các yếu tố bên ngoài, trong đó mặt bằng lãi suất trong nước duy trì ở mức cao là một yếu tố hỗ trợ khi cải thiện sức hấp dẫn tương đối của VND và hạn chế áp lực chuyển dịch sang USD.

Tính từ đầu năm, xu hướng này càng rõ nét khi tỷ giá trung tâm và tỷ giá bán USD của NHNN tăng khoảng 2%, trong khi tỷ giá tại NHTM và thị trường tự do lần lượt giảm 0,82% và 3,24%. Diễn biến này đáng chú ý trong bối cảnh USD mạnh lên, tuy nhiên so với xu hướng mất giá của nhiều đồng tiền trong khu vực, sự ổn định tương đối của VND là một điểm sáng của bức tranh vĩ mô, góp phần hạn chế áp lực lạm phát nhập khẩu, giảm rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp và duy trì dư địa điều hành chính sách tiền tệ. Chúng tôi cho rằng sự ổn định của tỷ giá không đến từ cung – cầu ngoại tệ thuận lợi, mà phần lớn là kết quả của môi trường lãi suất cao. Chênh lệch lãi suất VND–USD được duy trì ở mức hợp lý đã làm tăng chi phí cơ hội của việc nắm giữ USD, qua đó triệt tiêu động cơ găm giữ và đầu cơ ngoại tệ.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Fiiipro

DXY - Dollar Index



Nguồn: Wifeed

2.2

DỰ BÁO KỊCH BẢN VẬN ĐỘNG CỦA CHỈ SỐ VN-INDEX

Các kịch bản kỹ thuật được xây dựng nhằm mô tả những trạng thái vận động có khả năng xảy ra của VN-Index dưới các điều kiện thị trường khác nhau.

Cách tiếp cận này không hướng tới việc dự báo chính xác diễn biến của chỉ số mà tập trung xác định các ngưỡng xác nhận xu hướng và những tín hiệu kỹ thuật cần theo dõi trong quá trình vận động của thị trường.



2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX

Quan điểm kỹ thuật chỉ số VN-index:

Điểm nhấn kỹ thuật

Ngày 07/09/2026, chỉ số VN-index chạm kháng cự 1,870 điểm và quay đầu giảm đến nay (02/10/2026). Đáng chú ý, ngày 21/09/2026, VN-index xuyên thủng kênh giá tăng, khiến nhịp giảm được xác nhận một cách rõ ràng.

Theo đó, VN-index cần tìm một điểm cân bằng mới để tái tích lũy và phục hồi. Có 2 mức hỗ trợ tiềm năng (đáy cũ đã được hình thành trước đó) gồm: 1,715 điểm (đáy hình thành trong tháng 8) và 1,660 điểm (đáy hình thành trong tháng 07).

Hiện tại, VN-index đã tiệm cận vùng hỗ trợ 1,715 điểm, dù quán tính của nhịp giảm vẫn còn nhưng thị trường có thể sớm cân bằng lại do các chỉ báo động lượng đã đi vào vùng quá bán (thường xuất hiện nhịp hồi phục)

Bộ chỉ báo động lượng

RSI (14) **37.7x** **GIẢM**

Dưới ngưỡng trung tính 50, tiệm cận vùng quá bán.

CMF (20) **-0.15** **GIẢM**

Dòng tiền ròng âm, áp lực bán chiếm ưu thế.

Stochastic **13.3x** **GIẢM**

Vào vùng quá bán (<20), dễ xuất hiện nhịp hồi.

CCI (20) **-142.x** **GIẢM**

Thủng sâu ngưỡng -100, động lượng giảm mạnh.

Aroon **-71.43** **GIẢM**

Aroon Down áp đảo, xu hướng giảm chiếm ưu thế.

Hệ thống EMA

Chỉ số VN-index đóng cửa dưới toàn bộ hệ thống EMA cho thấy xu hướng ngắn và trung hạn đã chuyển sang giảm, các đường EMA theo đó trở thành vùng kháng cự cho nhịp hồi.

EMA10 1,768.04 **KHÁNG CỰ**

EMA20 1,780.95 **KHÁNG CỰ**

EMA50 1,787.78 **KHÁNG CỰ**

EMA100 1,790.08 **KHÁNG CỰ**

EMA200 1,759.57 **KHÁNG CỰ**

Nguồn: Fiiinpro, Fireant.vn, TPS Research



NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP: VN-index đang trong xu hướng giảm ngắn hạn khi nằm dưới toàn bộ hệ thống EMA. Tuy nhiên, các chỉ báo động lượng đã vào vùng quá bán, nên nhịp hồi kỹ thuật quanh hỗ trợ 1,715 điểm có thể xuất hiện. Nếu thủng 1,715 điểm, mốc hỗ trợ tiếp theo là 1,660 điểm.

2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX

KỊCH BẢN CƠ SỞ

Xác suất
50%

1,715–1,785 điểm

VN-index cân bằng tại vùng hỗ trợ 1,715 điểm và chuyển từ trạng thái điều chỉnh sang phục hồi kỹ thuật, trong kịch bản này, nhịp phục hồi của VN-index chủ yếu kiểm định lại vùng kháng cự phía trên, trong đó 1,785 điểm đóng vai trò như khu vực kháng cự mạnh nhất trong ngắn hạn. Đồng thời, mức độ cải thiện của thanh khoản sẽ quyết định VN-index có chuyển được từ giai đoạn phục hồi kỹ thuật để mở rộng nhịp tăng sang kịch bản tích cực hay không.

Ngược lại, nếu VN-index giảm về dưới 1,715 điểm, khả năng VN-index sẽ rơi vào kịch bản tiêu cực, hướng về vùng hỗ trợ mạnh kế tiếp tại 1,660 điểm.

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT có thể duy trì tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt ở mức 60/40 trong kịch bản cơ sở và linh hoạt hạ tỷ trọng nếu VN-index có dấu hiệu suy yếu tại vùng kháng cự hoặc đánh mất vùng hỗ trợ.

KỊCH BẢN TÍCH CỰC

Xác suất
20%

1,870 điểm

Trong trường hợp VN-index kiểm định thành công 1,785 điểm với thanh khoản có sự cải thiện nhất định, VN-index có thể mở rộng từ nhịp phục hồi sang xu hướng tăng mới với mục tiêu 1,870 điểm (vùng đỉnh tháng 9)

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT có thể nâng nhẹ tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt thành 70/30, đồng thời linh hoạt chốt lãi từng phần khi VN-index tiệm cận mục tiêu kịch bản.

KỊCH BẢN TIÊU CỰC

Xác suất
30%

1,660 điểm

Rủi ro đối với xu hướng tăng sẽ gia tăng nếu VN-index giảm về dưới hỗ trợ 1,715 điểm, theo đó, VN-index có khả năng lùi về vùng hỗ trợ sâu hơn tại 1,660 điểm (đáy tháng 07). Chúng tôi kỳ vọng vùng 1,660 điểm là vùng hỗ trợ mạnh đáng tin cậy có thể mở ra cơ hội đầu tư hấp dẫn trong trung – dài hạn.

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT chủ động hạ tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt về 50/50 hoặc 40/60, đồng thời tăng tỷ trọng trở lại nếu VN-index về 1,660 điểm (vùng mua hấp dẫn)

2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX

Chỉ số VNINDEX - 1D ● O1738.92 H1754.11 L1738.78 C1749.79 +12.08 (+0.70%)

Volume - Khối lượng 20 182.19M 497.179M

Ichimoku 9 26 52 26 26

BB 20 2

GMMA 3 5 8 10 12 15 30 35 40 45 50 60

EMA 10 close 0 1769.27

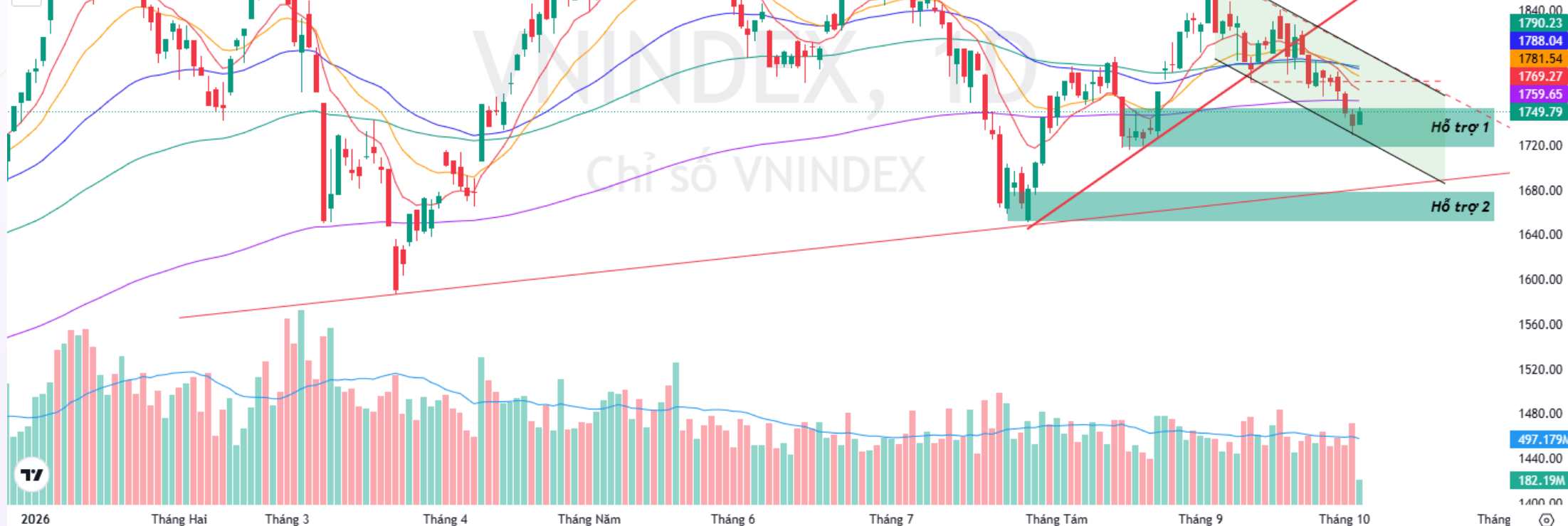
EMA 20 close 0 1781.54

EMA 50 close 0 1788.04

EMA 100 close 0 1790.23

EMA 200 close 0 1759.65

^



03

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU TÂM ĐIỂM & GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Danh mục cổ phiếu tâm điểm và luận điểm đầu tư trọng tâm

3.1. QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT TOP 10 CỔ PHIẾU CÓ GTGD LỚN NHẤT THÁNG 09.2026

Mã	Giá đóng cửa 02/10/2026	% Thay đổi 1M	Các chỉ báo kỹ thuật					Hỗ trợ gần nhất	Kháng cự gần nhất	Nhận định
			Aroon Osc	CMF	RSI	Stochastic	CCI			
VIC	244,000	-5.08%	-70.00	-0.37	43.07	10.57	-161.06	215,000	265,000	Aroon và CMF âm cho thấy xu hướng giảm, dòng tiền rút ra; Stochastic, CCI đã vào vùng quá bán. Giá cách hỗ trợ 215,000 khoảng 12% và dưới kháng cự 265,000 khoảng 9%; chờ tín hiệu hồi phục rõ ràng trước khi giải ngân.
VHM	67,900	-6.99%	-40.00	-0.44	42.06	36.44	-79.10	65,000	79,000	Động lượng yếu, CMF âm sâu cho thấy áp lực bán còn chiếm ưu thế. Giá chỉ cách hỗ trợ 65,000 khoảng 4%, trong khi kháng cự 79,000 còn xa; có thể mua thăm dò nếu giá giữ vững vùng hỗ trợ.
VPB	22,900	+3.82%	-90.00	-0.37	37.97	3.92	-155.88	22,200	23,600	Aroon -90 và CMF âm phản ánh xu hướng giảm, song Stochastic, CCI đã quá bán sâu. Giá nằm giữa hỗ trợ 22,200 và kháng cự 23,600 (cách mỗi mức khoảng 3%); quan sát phản ứng tại hỗ trợ trước khi mua.
TCB	32,250	-3.44%	40.00	0.18	49.50	50.17	17.90	31,400	33,700	Các chỉ báo ở mức trung tính, CMF dương cho thấy dòng tiền quay lại. Giá cách hỗ trợ 31,400 khoảng 3% và kháng cự 33,700 khoảng 4%; có thể tích lũy quanh hỗ trợ, kỳ vọng hướng tới kháng cự.
HDB	28,450	+2.34%	20.00	0.18	65.01	68.58	173.65	27,600	30,000	Động lượng tích cực với RSI 65 và CMF dương, tuy CCI đã vào vùng quá mua. Giá cách kháng cự 30,000 khoảng 5% và trên hỗ trợ 27,600 khoảng 3%; tiếp tục nắm giữ, gia tăng khi vượt 30,000 kèm thanh khoản.

3.1. QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT TOP 10 CỔ PHIẾU CÓ GTGD LỚN NHẤT THÁNG 08.2026

Mã	Giá đóng cửa 02/10/2026	% Thay đổi 1M	Các chỉ báo kỹ thuật					Hỗ trợ gần nhất	Kháng cự gần nhất	Nhận định
			Aroon Osc	CMF	RSI	Stochastic	CCI			
SHB	11,150	-8.61%	-90,00	0.42	32.77	18.33	-170.63	11,100	12,250	Aroon -90 cho thấy xu hướng giảm chiếm ưu thế, song CMF dương và Stochastic, CCI quá bán hàm ý lực bán đang chậm lại. Giá sát hỗ trợ 11,100 (cách khoảng 0.4%) và dưới kháng cự 12,250 khoảng 10%; có thể mua thăm dò nếu giữ vững hỗ trợ.
VIX	11,800	-16.31%	-90.00	-0.55	32.56	4.53	-167.57	11,000	13,500	Giảm mạnh 16% trong tháng, CMF âm sâu cho thấy áp lực bán còn lớn dù Stochastic, CCI đã quá bán sâu. Giá cách hỗ trợ 11,000 khoảng 7% và dưới kháng cự 13,500 khoảng 14%; chờ tín hiệu tạo đáy trước khi giải ngân.
FPT	62,100	-6.68%	-80.00	-0.26	36.43	0.62	-169.65	61,800	68,000	Aroon -80 và CMF âm phản ánh xu hướng giảm, Stochastic gần mức 0 cho thấy trạng thái quá bán cực độ. Giá sát hỗ trợ 61,800 (cách khoảng 0.5%), dư địa hồi lên kháng cự 68,000 khoảng 9%; quan sát phản ứng tại hỗ trợ trước khi mua.
SSI	19,700	-7.73%	-90.00	-0.31	37.42	16.16	-152.53	16,300	21,600	Xu hướng giảm với Aroon -90 và CMF âm, các chỉ báo đã vào vùng quá bán. Hỗ trợ gần nhất 16,300 còn cách khoảng 17%, kháng cự 21,600 cách khoảng 10%; chưa nên bắt đáy, chờ giá tạo nền tích lũy.
HPG	20,050	-9.28%	-90.00	-0.17	33.46	7.50	-158.30	20,000	21,600	Aroon -90 cho thấy xu hướng giảm, CMF âm nhẹ và Stochastic, CCI quá bán hàm ý khả năng hồi kỹ thuật. Giá sát hỗ trợ 20,000 (cách khoảng 0.3%), dưới kháng cự 21,600 khoảng 8%; mua thăm dò nếu giữ vững 20,000, cắt lỗ nếu thủng hỗ trợ.

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

MWG

HOSE · CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động

TÍN HIỆU KỸ THUẬT
MUA

GIÁ HIỆN TẠI (02/10/2026)
73,200

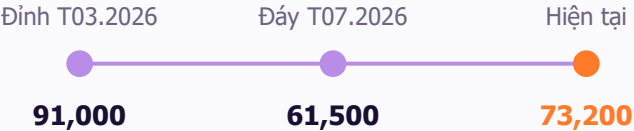
GIÁ MỤC TIÊU
90,500

CẮT LỖ
71,000

Điểm nhấn kỹ thuật

MWG vượt lên trên kênh giá song song hình thành từ tháng 03.2026 đến đầu tháng 10.2026, cho thấy cổ phiếu có triển vọng chuyển sang xu hướng tăng trung – dài hạn sau giai đoạn giảm và tích lũy kéo dài.

Diễn biến giá



Upside mục tiêu
+23.63%

Tới mức cắt lỗ
-3.01%

Bộ chỉ báo động lượng

RSI (14)	56.x	TĂNG
Trên ngưỡng 50, động lượng tăng chiếm ưu thế.		
CMF (20)	0.10	TĂNG
Dòng tiền ròng dương, lực mua chiếm ưu thế.		
Stochastic	84.x	TĂNG
Vào vùng quá mua (>80), lưu ý nhịp rung lắc.		
CCI (20)	181.x	TĂNG
Vượt mạnh ngưỡng +100, động lượng tăng mạnh.		
Aroon	100.00%	TĂNG
Aroon Up đạt 100%, xu hướng tăng chiếm ưu thế.		

Hệ thống EMA

Giá hiện tại nằm trên EMA10, EMA20 và EMA50 cho thấy xu hướng ngắn hạn đã cải thiện, trong khi EMA100 – EMA200 (74,600 – 75,700) là vùng kháng cự trung – dài hạn cần vượt qua.

EMA10	72,850	HỖ TRỢ
EMA20	72,700	HỖ TRỢ
EMA50	73,100	HỖ TRỢ
EMA100	74,600	KHÁNG CỰ
EMA200	75,700	KHÁNG CỰ

NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP: Cả 5 chỉ báo động lượng đồng thuận tích cực và giá đã vượt kênh giá song song, ủng hộ tín hiệu MUA với mục tiêu 90,500. Rủi ro ngắn hạn: Stochastic đã vào vùng quá mua, vùng EMA100 – EMA200 (74,600 – 75,700) là kháng cự gần cần vượt qua.

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

MWG

Kịch bản đầu tư

KỊCH BẢN CƠ SỞ

Giá giữ vững trên 71,000, xu hướng tăng tiếp diễn

Luận điểm: giá vượt kênh giá song song, 5 chỉ báo động lượng đồng thuận tăng.

Cắt lỗ 71,000: dừng lỗ nếu giá vi phạm, bảo toàn sức mua cho kịch bản dự phòng.

90,500

Mục tiêu +23.63%

KỊCH BẢN DỰ PHÒNG

Giá thủng mức cắt lỗ 71,000, tìm về vùng hỗ trợ thấp hơn

Diễn biến: giá tìm về vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh 68,500 (đáy tháng 09.2026) để tái cân bằng.

Kỳ vọng: mô hình 2 đáy, mục tiêu hồi phục **74,500** hoặc **80,500** tùy thị trường.

68,500

Hỗ trợ ngắn hạn

Biểu đồ kỹ thuật MWG

CTCP Đầu tư Thẻ giới Di động - 1D - HSX ● O73.70 H74.70 L73.70 C73.90 +0.70 (+0.96%)

Volume - Khối lượng 20 2.354M 2.378M

Ichimoku 9 26 52 26 26

BB 20 2

GMMA 3 5 8 10 12 15 30 35 40 45 50 60

EMA 10 close 0 72.83

EMA 20 close 0 72.70

EMA 50 close 0 73.09

EMA 100 close 0 74.60

EMA 200 close 0 75.73



TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS